

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

KHOA LUẬT

KIỀU THỊ TIẾN

**PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI XÃ HỘI VÀ THỰC TIỄN
THỰC HIỆN TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã số : 60 38 01 07

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2014

Công trình được hoàn thành tại
Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Lê Thị Hoài Thu

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn họp tại
Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2014

Có thể tìm hiểu luận văn tại

- Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội
- Trung tâm tư liệu – Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội

MỤC LỤC

Trang phụ bì

Lời cam đoan

Mục lục

MỞ ĐẦU 1

**Chương 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ ƯU ĐÃI XÃ HỘI
VÀ PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI XÃ HỘI** 5

1.1. Khái niệm và ý nghĩa về ưu đãi xã hội 5

1.1.1. Khái niệm ưu đãi xã hội 5

1.1.2. Ý nghĩa ưu đãi xã hội 8

1.2. Pháp luật ưu đãi xã hội 12

1.2.1. Khái niệm pháp luật ưu đãi xã hội 12

1.2.2. Các nguyên tắc pháp luật ưu đãi xã hội 14

1.2.3. Nội dung pháp luật về ưu đãi xã hội 22

1.3. Vai trò pháp luật về ưu đãi xã hội 25

**Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI XÃ
HỘI VÀ THỰC TIỄN TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG** 28

2.1. Quá trình hình thành và phát triển pháp luật về Ưu đãi xã hội ở
Việt Nam (từ sau Cách mạng tháng tám năm 1945 đến nay) 28

2.1.1. Giai đoạn từ 1945 đến 1954 28

2.1.2. Giai đoạn từ 1955 đến 1975 30

2.1.3. Giai đoạn từ 1976 đến 1985 31

2.1.4. Giai đoạn từ 1986 đến 1994 32

2.1.5. Giai đoạn từ 1995 đến nay 33

2.2. Thực trạng pháp luật về ưu đãi xã hội ở Việt Nam 35

2.2.1. Về đối tượng hưởng ưu đãi 36

2.2.2. Về điều kiện và mức hưởng ưu đãi 38

2.2.3. Về nguồn tài chính thực hiện ưu đãi	69
2.3. Thực tiễn thi hành pháp luật ưu đãi xã hội tại thành phố Đà Nẵng	69
2.3.1. Những thành công	69
2.3.2. Một số hạn chế	74
Chương 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI XÃ HỘI	78
3.1. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về ưu đãi xã hội	78
3.1.1. Pháp luật ưu đãi xã hội phải phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của đất nước.	78
3.1.2. Pháp luật ưu đãi xã hội phải đảm bảo tính toàn diện	80
3.1.3. Pháp luật ưu đãi xã hội phải bảo đảm tính thực tiễn	82
3.1.4. Xã hội hóa hoạt động ưu đãi xã hội	83
3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về ưu đãi xã hội	85
3.2.1. Trong công tác xây dựng chính sách pháp luật	85
3.2.2. Công tác quản lý, tổ chức thực hiện	88
3.3. Một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật ưu đãi xã hội tại thành phố Đà Nẵng	90
KẾT LUẬN	95
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	96

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong công cuộc đổi mới của đất nước đã thu được nhiều thành tựu kinh tế xã hội quan trọng, quá trình đổi mới đặt ra yêu cầu tăng trưởng kinh tế với phát triển công bằng xã hội. Cùng với thành tựu chung của công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước, công tác ưu đãi người có công với cách mạng đã có những bước phát triển mới, góp phần thực hiện công tác tri ân, đền ơn đáp nghĩa đối với người có công mang lại nhiều kết quả đáng ghi nhận trong thực hiện các chế độ ưu đãi cũng như hoạt động xã hội hóa công tác chăm sóc người có công. Cho đến thời điểm hiện nay trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của đất nước, những vấn đề mới nảy sinh trong tổ chức thực hiện chính sách ưu đãi như: vấn đề xác nhận đối tượng người có công, công tác mộ - nghĩa trang liệt sĩ, các vấn đề ưu đãi về nhà ở, giáo dục đào tạo, y tế, tạo việc làm,...đối với người có công và thân nhân của họ đã được định hướng và từng bước giải quyết cơ bản. Cùng với việc xây dựng hệ thống chính sách kinh tế, công tác xây dựng hoàn thiện hệ thống các chính sách xã hội trong đó có chính sách đối với người có công là vấn đề cần thiết đặt ra ở nước ta.

Một trong những bộ phận quan trọng của hệ thống chính sách pháp luật xã hội là chính sách ưu đãi người có công, đây là một chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ta. Suốt mấy chục năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách, pháp luật đối với đối tượng này và thường xuyên bổ sung (sửa đổi) cho phù hợp với từng thời kỳ cách mạng, có thể nói từ khi thành lập nước đến nay đã hình thành một hệ thống chính sách mà các nội dung đều gắn liền

với việc thực hiện chính sách kinh tế - xã hội liên quan đến đời sống hằng ngày của người có công. Nghị quyết Đại hội Đảng cộng sản Việt Nam lần thứ IX đã khẳng định: *“Chăm lo tốt hơn đối với các gia đình chính sách có cuộc sống bằng hoặc khá hơn mức trung bình của nhân dân địa phương trên cơ sở kết hợp 3 nguồn lực: Nhà nước – Cộng đồng và bản thân đối tượng chính sách tự vươn lên”*.

Việc Nhà nước sửa đổi Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng và quy định bổ sung các chính sách ưu đãi mới đã đánh dấu bước phát triển, từng bước hoàn thiện chính sách ưu đãi người có công. Đó cũng chính là quá trình cụ thể hóa những quan điểm, chủ trương của Đảng thành cơ chế, chính sách nhằm tiếp tục ghi nhận sự hy sinh cống hiến của những người đã không tiếc tuổi xuân, máu xương vì nền độc lập thống nhất đất nước, là biểu hiện sinh động của “Ý Đảng – lòng dân”, truyền thống đạo lý cao đẹp “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc ta [32,tr.1].

Tuy nhiên, pháp luật về ưu đãi xã hội hiện nay còn một số mặt hạn chế nhất định như: mức hỗ trợ còn thấp so với tốc độ gia tăng giá cả của đời sống xã hội đã dẫn đến tình trạng đời sống của nhiều người, nhiều gia đình chính sách chưa được bảo đảm; Thủ tục để được công nhận là đối tượng chính sách (liệt sĩ, thương binh....) nhìn chung là đầy đủ, khá đơn giản nhưng lại không linh hoạt. Thực tiễn tồn tại rất nhiều trường hợp do thời gian hay những lý do khác đã không đáp ứng được những yêu cầu về mặt thủ tục, giấy tờ mà pháp luật yêu cầu nên đã không được công nhận là đối tượng chính sách để được hưởng ưu đãi xã hội...

Với mục đích tìm hiểu, nghiên cứu những vấn đề lý luận về ưu đãi xã hội và thực tiễn thực hiện tại thành phố Đà Nẵng nơi bản

thân đang sinh sống và công tác để từ đó tìm ra những hạn chế của pháp luật ưu đãi xã hội nhằm hoàn thiện hơn nữa hệ thống pháp luật này. Đó chính là lý do mà em lựa chọn đề tài **“Pháp luật về ưu đãi xã hội và thực tiễn thực hiện tại thành phố Đà Nẵng”** làm luận văn thạc sỹ luật học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu

Ưu đãi xã hội là một chính sách lớn của Đảng và nhà nước ta. Nghiên cứu về lĩnh vực này đã có nhiều công trình, bài viết được đề cập dưới nhiều góc độ khác nhau như: nghiên cứu ưu đãi xã hội dưới góc độ là một chính sách xã hội; hay nghiên cứu ưu đãi xã hội với tư cách là một nội dung độc lập; và nghiên cứu ưu đãi xã hội dưới góc độ luật học có thể thấy :

-Về luận án Tiến sỹ với đề tài :”Hoàn thiện pháp luật ưu đãi người có công ở Việt Nam” (1996) của nghiên cứu sinh Nguyễn Đình Liêu – Khoa Luật – Đại học quốc gia Hà Nội.

-Về luận văn Thạc sỹ với đề tài : “Hoàn thiện pháp luật ưu đãi xã hội ở Việt Nam” (2009) của học viên Nguyễn Thị Tuyết Mai – Khoa Luật – Đại học quốc gia Hà Nội.

-Về giáo trình có: “Giáo trình ưu đãi xã hội” của trường Đại học Lao động – xã hội (2007); Giáo trình Luật an sinh xã hội, của Trường Đại học Luật Hà Nội (2005); Giáo trình lý luận chung Nhà nước và pháp luật của Trường Đại học Quốc gia Hà Nội Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội (2004);

-Ngoài ra còn có một số bài viết đăng trên tạp chí khoa học pháp lý chuyên ngành như : “Trợ cấp ưu đãi xã hội trong hệ thống pháp luật Việt Nam”, Tạp chí khoa học (kinh tế - luật), số 1/2002 của tác giả Nguyễn Đình Liêu; “Một số vấn đề pháp luật ưu đãi xã hội”,

tạp chí luật học số 1/2004 của tác giả Nguyễn Hiền Phương...

Có thể nói các công trình nghiên cứu trên đây mới chỉ tập trung vào một số khía cạnh pháp lý (đối tượng, quyền và nghĩa vụ, chế tài...) mà chưa tập trung nghiên cứu một cách toàn diện cả trên bình diện lý luận và thực tiễn pháp luật về ưu đãi xã hội.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu một số vấn đề lý luận và thực trạng pháp luật ưu đãi xã hội, đồng thời đánh giá thực trạng triển khai pháp luật ưu đãi xã hội tại thành phố Đà Nẵng để từ đó đưa ra một số giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về ưu đãi xã hội, góp phần nâng cao đời sống, đảm bảo công bằng cho đối tượng người có công.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận về pháp luật đối với người có công và thực trạng pháp luật trong lĩnh vực này cũng như thực tiễn thực tiễn triển khai tại thành phố Đà Nẵng. Phạm vi nghiên cứu của đề tài về thực tiễn thực hiện pháp luật người có công tại thành phố Đà Nẵng.

5. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn dựa trên phương pháp luận của Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Ngoài ra còn dựa trên phương pháp khác như: Phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh, diễn giải, qui nạp làm cơ sở cho quá trình nghiên cứu, đồng thời trong quá trình nghiên cứu luận văn còn sử dụng những số liệu thống kê của Sở lao động Thương binh xã hội thành phố Đà Nẵng và các công trình khoa học khác liên quan đến lĩnh vực này.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài lời mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được chia làm 3 chương :

Chương 1: Khái quát chung về ưu đãi xã hội, pháp luật về ưu đãi xã hội.

Chương 2: Pháp luật về ưu đãi xã hội và thực tiễn thực hiện tại thành phố Đà Nẵng.

Chương 3: Một số giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về ưu đãi xã hội từ thực tiễn tại thành phố Đà Nẵng.

Chương 1

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ ƯU ĐÃI XÃ HỘI VÀ PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI XÃ HỘI

1.1. Khái niệm và ý nghĩa về ưu đãi xã hội

1.1.1. Khái niệm ưu đãi xã hội

Ưu đãi xã hội được hiểu là sự đãi ngộ của Nhà nước, cộng đồng và toàn xã hội về đời sống vật chất cũng như tinh thần đối với người có công và gia đình họ.

Chính sách ưu đãi xã hội ở nước ta cũng như ở các nước, mặc dù chế độ chính trị khác nhau, đối tượng ưu đãi khác nhau và mức độ thực hiện tùy theo điều kiện ở mỗi nước nhưng đều thể hiện : Mục đích thực hiện chính sách; Chính sách phải phản ánh bản chất của giai cấp thống trị; Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong việc thực hiện các chính sách ưu đãi xã hội được thể hiện bằng các chế định pháp luật về trợ cấp, chăm sóc sức khỏe, bảo đảm việc làm... các chế độ ưu đãi được qui định chặt chẽ và được thực hiện tùy theo điều

kiện kinh tế - xã hội của mỗi nước, mỗi giai đoạn.

1.1.2. Ý nghĩa ưu đãi xã hội

Về chính trị:

Thực hiện tốt chính sách đối với người có công là việc làm có ý nghĩa quan trọng, không chỉ ổn định đời sống của bộ phận dân cư đặc biệt này mà còn góp phần vào sự ổn định chính trị và phát triển xã hội. Mỗi sai lầm trong việc thực hiện chính sách người có công không chỉ ảnh hưởng đến đời sống của họ mà còn đem lại những hậu quả khó lường.

Về xã hội và nhân văn: Ưu đãi xã hội thể hiện chủ nghĩa nhân đạo cao đẹp, thể hiện truyền thống đạo lý quý báu của dân tộc ta, truyền thống “uống nước nhớ nguồn”, “ăn quả nhớ kẻ trồng cây”.

Về kinh tế: Việc đảm bảo đời sống vật chất cho người có công trong sinh hoạt hằng ngày nhất là đối với những người có công lao thành tích đặc biệt, có thương tật, bệnh tật nặng hoặc bù đắp một phần mất mát của họ. Được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, các văn bản pháp quy lần lượt ra đời đưa ra những chính sách ưu đãi đối với người có công, trong đó quy định các loại trợ cấp, mức trợ cấp phù hợp với chính sách phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo người có công có cuộc sống ổn định để phát triển kinh tế.

Về pháp lý: Dưới sự quan tâm của Đảng và Nhà nước ta và hàng loạt những chính sách về ưu đãi xã hội đối với người có công đã ra đời, đánh dấu sự phát triển về mặt lập pháp của nước ta.

1.2. Pháp luật ưu đãi xã hội

1.2.1. Khái niệm pháp luật ưu đãi xã hội

Pháp luật ưu đãi xã hội chính là sự thể chế hóa các chính sách ưu đãi của Đảng, Nhà nước đối với người có công, các quyền

ưu đãi của người có công và những đảm bảo về mặt pháp lý cho việc thực hiện các quyền đó. Pháp luật ưu đãi người có công qui định những nguyên tắc, cách thức, phương pháp thực hiện các chế độ ưu đãi người có công; quy định quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện ưu đãi đối với người có công; điều chỉnh tất cả các hoạt động ưu đãi đối với người có công nhằm mục đích đảm bảo thực hiện một cách tốt nhất, hữu hiệu nhất các chế độ, ưu đãi đối với đối tượng đặc biệt này.

1.2.2. Các nguyên tắc pháp luật ưu đãi xã hội

Thứ nhất, ưu đãi người có công là trách nhiệm của Nhà nước và toàn xã hội.

Ưu đãi người có công là trách nhiệm của Nhà nước và toàn xã hội, thể hiện trong việc Nhà nước tổ chức nghiên cứu, hoạch định, ban hành hệ thống chính sách, chế độ và tổ chức thực hiện. Vì thế, Nhà nước với tư cách là người quản lý xã hội, là người đại diện cho toàn thể nhân dân, là người có trách nhiệm trước hết trong việc xây dựng và triển khai thực hiện pháp luật về ưu đãi xã hội.

Thứ hai, thực hiện công bằng và công khai trong ưu đãi xã hội.

Việc ưu tiên, ưu đãi đối với các đối tượng cũng phải thực hiện kết hợp với nguyên tắc bình đẳng, công khai. Điều đó có nghĩa phải thực hiện công bằng, bình đẳng ngay trong các đối tượng được hưởng. Nguyên tắc công bằng, công khai được thể hiện ở sự bình đẳng giữa cùng đối tượng phải được hưởng cùng một loại chế độ ưu đãi như nhau.

Thứ ba, mức ưu đãi phải phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước.

Nguyên tắc này được thể hiện rõ nét trong việc thiết kế, hoạch định các chế độ ưu đãi phải tính toán những chế độ và các khoản ưu đãi quá cao, vượt khả năng kinh tế, khả năng đảm bảo của đất nước. Trong trường hợp đó sẽ không đáp ứng được và không có khả năng khả thi, kìm hãm sự phát triển chung.

Thứ tư, xã hội hóa công tác ưu đãi xã hội.

Nguyên tắc này được thể hiện trong các hoạt động, các phong trào của địa phương, của tổ chức xã hội và cá nhân đã làm công tác thương binh liệt sĩ trở thành công việc thường xuyên của toàn xã hội. Phong trào “Đón binh về làng” từ những năm chống Thực dân Pháp đến phong trào “Chăm sóc thương binh nặng tại nhà” những năm gần đây đã góp phần lớn thương bệnh binh nặng ổn định cuộc sống, ổn định thương tật, bệnh tật. Nhân dân đã góp tiền của, công sức để xây dựng hệ thống nghĩa trang liệt sĩ và các công trình tưởng niệm liệt sĩ, hàng chục vạn ngày công được nhân dân đóng góp vào việc tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ.

1.2.3. Nội dung pháp luật về ưu đãi xã hội

Ưu đãi xã hội chính là sự cụ thể hóa của truyền thống dân tộc được thực hiện không chỉ bằng Nhà nước thông qua hệ thống các quy phạm pháp luật mà còn là các hoạt động nhằm mục đích đảm bảo và nâng cao chất lượng cuộc sống cho các đối tượng người có công trên mọi lĩnh vực.

- *Ưu đãi bằng tiền:*

Trợ cấp bằng tiền là khoản trợ cấp ưu đãi từ Ngân sách Nhà nước cho đối tượng ưu đãi trên cơ sở đóng góp, hy sinh của họ và hậu quả của những hy sinh đó đối với bản thân và gia đình họ.

- *Ưu đãi bằng hiện vật:*

Ưu đãi bằng hiện vật với mục đích ổn định cuộc sống của những người có công và phần nào bù đắp những thương tật, những mất mát mà họ phải trải qua do chiến tranh để lại.

- Ưu đãi về tinh thần:

Để thực hiện những chính sách này Nhà nước đã cụ thể bằng những việc làm như : Nhà nước đầu tư vào xây dựng các nghĩa trang liệt sĩ (như Nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn...), xây đài tưởng niệm, bia ghi công liệt sĩ...

Nhân các ngày lễ 27/7; 22/12 và tết nguyên đán các cấp, các ngành, các doanh nghiệp tổ chức thăm và tặng quà đồng thời tổ chức nhiều sự kiện như thắp nến tri ân, viếng hương vào những ngày mùng 1 và 15 âm lịch tại nghĩa trang liệt sĩ nhằm tôn vinh các anh hùng liệt sĩ, giáo dục cho thế hệ trẻ thấm nhuần những nghĩa cử cao đẹp để tiếp tục cống hiến cho sự nghiệp bảo vệ tổ quốc.

Đối với những người có công kể trên, nếu họ không là người hưởng lương, hưởng bảo hiểm xã hội thì được Nhà nước mua Bảo hiểm y tế để khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế, Bệnh viện Dân y hoặc Bệnh viện Quân đội.

- Các ưu đãi khác :

Song song với việc qui định các loại trợ cấp vật chất cho đối tượng ưu đãi, pháp luật cũng qui định những ưu đãi trên các lĩnh vực của đời sống xã hội như y tế, giáo dục – đào tạo, việc làm, tín dụng, đất đai, nhà ở...

1.3. Vai trò pháp luật về ưu đãi xã hội

Pháp luật ưu đãi xã hội là sự thể chế hóa những chính sách ưu đãi đối với người có công của Nhà nước trong đời sống xã hội. Chính sách người có công là một chính sách lớn trong hệ thống các

chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước ta. Nó mang tính chính trị, kinh tế, xã hội và nhân văn sâu sắc.

Pháp luật ưu đãi được qui định khá phong phú, đa dạng nhằm đảm bảo một phần đời sống và tinh thần cho người hưởng ưu đãi như : chế độ trợ cấp, phụ cấp ưu đãi; chế độ ưu đãi về giáo dục và đào tạo; chế độ ưu đãi trong lĩnh vực việc làm, học nghề; chế độ ưu đãi trong lĩnh vực văn hóa; chế độ ưu đãi trong lĩnh vực y tế; chế độ ưu đãi trong lĩnh vực kinh tế; các hình thức bảo đảm đời sống tinh thần cho người hưởng ưu đãi...

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI XÃ HỘI VÀ THỰC TIỄN TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.1. Quá trình hình thành và phát triển pháp luật về Ưu đãi xã hội ở Việt Nam (từ sau Cách mạng tháng tám năm 1945 đến nay)

2.1.1. Giai đoạn từ 1945 đến 1954

Trong giai đoạn này, Nhà nước đã ban hành một số Sắc lệnh, Nghị định, Thông tư, Thông lệnh quy định về một số vấn đề như:

- Khái niệm thương binh, tử sĩ; Trợ cấp hàng tháng đối với thương binh, thân nhân tử sĩ; Trợ cấp tạm thời, trợ cấp đặc biệt đối với những trường hợp chưa được hưởng trợ cấp hàng tháng mà có hoàn cảnh khó khăn; Sắp xếp việc làm, ưu tiên chia cấp ruộng đất, miễn giảm thuế nông nghiệp, miễn đi dân công; Lập hồ sơ thương binh, tử sĩ và thân nhân tử sĩ; Gia đình tử sĩ được tặng bằng Tổ quốc

ghi công, thương binh được tặng Huy hiệu thương binh do Bộ thương binh – Cựu binh và Bộ quốc phòng cấp; Tổ chức bộ máy Bộ thương binh – Cựu binh. Ở mỗi khu kháng chiến thành lập một Sở thương binh – Cựu binh, mỗi tỉnh hoặc liên tỉnh thành lập một ty Thương binh – Cựu binh.

2.1.2. Giai đoạn từ 1955 đến 1975

Ở thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954-1964) chính sách ưu đãi bậc lộ bất hợp lý, trong đó có một số vấn đề khá gay gắt. Chẳng hạn như đối với thương binh, mức khởi điểm để hưởng trợ cấp ưu đãi là mất sức lao động 15%, không phù hợp với điều kiện lao động chung và thiếu công bằng trong thực hiện chính sách. Tuy Nhà nước có quy định xét trợ cấp khó khăn cho các gia đình chính sách nhưng chưa kịp thời (phải do cấp tỉnh quyết định), hơn nữa mức trợ cấp lại quá thấp.

Ở giai đoạn sau (1964-1975) do tính chất cuộc chiến tranh bước vào giai đoạn gay go, ác liệt, việc ưu đãi đối với người có công càng được đề cao hơn. Các văn bản pháp luật ưu đãi được bổ sung, hoàn thiện một bước để phục vụ nhiệm vụ chính trị.

2.1.3. Giai đoạn từ 1976 đến 1985

Pháp luật ưu đãi người có công trong giai đoạn này đã khắc phục được một số bất hợp lý, hình thành hệ thống văn bản pháp quy có hiệu lực thống nhất trong cả nước. Tuy nhiên, còn tản mạn, chấp vá, nội dung còn rườm rà, phức tạp, hạn chế trong việc giải quyết các vấn đề mang tính cơ bản, lâu dài của chế độ ưu đãi người có công.

2.1.4. Giai đoạn từ 1986 đến 1994

Đây là giai đoạn có ý nghĩa đối với sự phát triển của chế độ ưu đãi xã hội nước ta. Nhà nước đã ban hành rất nhiều văn bản pháp

luật về chế độ ưu đãi, đánh dấu bước chuyển biến quan trọng quyết định đến mọi đời sống của người có công thông qua các văn bản quy phạm pháp luật. Nổi bật nhất là vào ngày 29/8/1994 Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành 02 văn bản rất quan trọng đối với chính sách người có công, đó là Pháp lệnh Ưu đãi người hoạt động cách mạng, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng; và Pháp lệnh Quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.

2.1.5. Giai đoạn từ 1995 đến nay

Trong giai đoạn này có một số điểm nổi bật, đánh dấu sự phát triển của pháp luật ưu đãi người có công. Ngày 29/6/2005 Ủy ban thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 26/2005/PL-UBTVQH11 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2005 (thay thế cho Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng năm 1994 – được sửa đổi năm 2000 và năm 2002). Pháp lệnh này đã mở rộng thêm một số đối tượng được hưởng ưu đãi (từ 7 lên đến 11 nhóm với 11 đối tượng, không chỉ bao gồm những người có công với cách mạng mà còn bao gồm cả thân nhân của họ); Trong công cuộc đổi mới đất nước, song song với việc phát triển Nhà nước ta cũng đã quan tâm đặc biệt đối với đối tượng chính sách và cũng đã tiếp tục ban hành :

- Pháp lệnh số 35/2007/PL-UBTVQH11 ngày 21/6/2007 của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp Lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, có hiệu lực kể từ ngày 01/10/2007;

- Pháp lệnh số 04/2012/PL-UBTVQH13 ngày 16/7/2012 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, có hiệu lực kể từ ngày 01/09/2012;

Pháp luật ưu đãi xã hội ngoài ra còn được quy định một số pháp luật có liên quan như pháp luật về đất đai, nhà ở, thuế, giáo dục đào tạo...

2.2. Thực trạng pháp luật về ưu đãi xã hội ở Việt Nam

Pháp luật ưu đãi xã hội ở nước ta được hình thành và phát triển gắn liền với công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc. Trải qua nhiều giai đoạn phát triển, pháp luật ưu đãi xã hội đã ngày càng hoàn chỉnh hơn, đáp ứng được phần nào thực tiễn và nhu cầu phát triển của xã hội. Pháp luật ưu đãi xã hội nước ta hiện nay không những mở rộng đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi mà còn xây dựng được một hệ thống các chế độ ưu đãi khá toàn diện và đầy đủ, giúp ổn định được đời sống của những người có công, thể hiện rõ trách nhiệm, tình cảm của Nhà nước và xã hội đối với những cống hiến của người có công.

2.2.1. Về đối tượng hưởng ưu đãi

Pháp lệnh ưu đãi người có công cách mạng được sửa đổi bổ sung có hiệu lực kể từ ngày 01/9/2012 quy định có hai nhóm đối tượng đã nêu trên, trong đó : Người có công cách mạng bao gồm 12 đối tượng đó là :

- Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945;
- Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945;
- Liệt sĩ;
- Bà mẹ Việt Nam anh hùng;

- Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân;
- Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến;
- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;
- Bệnh binh;
- Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;
- Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày;
- Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế;
- Người có công giúp đỡ cách mạng.”

2.2.2. Về điều kiện và mức hưởng ưu đãi

*** Về điều kiện xác nhận hưởng ưu đãi**

Được qui định tại Nghị định 31/2013/NĐ-CP ngày 9/4/2013 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng .

*** Về mức hưởng ưu đãi**

- Ưu đãi về trợ cấp

Theo pháp luật hiện hành thì mức trợ cấp đối với người có công với cách mạng và thân nhân của họ được quy định trong rất nhiều văn bản khác nhau.

- Về chế độ chăm sóc sức khỏe

Trong lĩnh vực chăm sóc y tế, theo qui định hiện hành đối tượng ưu đãi xã hội được Nhà nước mua cho thẻ bảo hiểm y tế tính trên cơ sở 3% mức tiền lương tối thiểu kể từ ngày 1/7/2009 đến ngày 31/12/2009 và từ ngày 1/1/2010 Nhà nước mua bảo hiểm y tế tính trên 4,5% mức lương tối thiểu. Nhìn chung việc nâng mức trợ cấp cho họ là hoàn toàn xứng đáng khi đặt trong điều kiện kinh tế hiện

nay và thực trạng phát triển của bảo hiểm y tế.

- Về chế độ ưu đãi giáo dục và đào tạo

Theo qui định tại Nghị định số 49/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ Quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 – 2015.

- Về chế độ ưu đãi việc làm, đảm bảo việc làm

+ Theo nghị định 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, con bệnh binh sẽ không được ưu tiên trong thi tuyển viên chức.

- Về các chế độ ưu đãi khác

+ Ngoài các chế độ ưu đãi nói trên, các đối tượng là người có công còn được hưởng các chế độ ưu đãi khác như : Chế độ ưu đãi nhà ở, xã hội chăm sóc đời sống vật chất tinh thần, Nhà nước ghi công...Điều 55. Chế độ ưu đãi về nhà ở.

2.2.3. Về nguồn tài chính thực hiện ưu đãi

Bằng nguồn tài chính hỗ trợ từ Trung ương, thành phố, quận, huyện... và sự đóng góp của nhân dân như quỹ ngày công lao động công ích, quỹ đền ơn đáp nghĩa, sự ủng hộ nhiệt tình của các cơ quan – doanh nghiệp và các cá nhân có tinh thần trách nhiệm cao trong công tác “uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ người trồng cây” và là những tấm gương tiêu biểu trong công tác đền ơn đáp nghĩa trên cả nước.

2.3. Thực tiễn thi hành pháp luật ưu đãi xã hội tại thành phố Đà Nẵng

2.3.1. Những thành công

Ngoài việc thực hiện tốt chế độ, chính sách theo quy định

của Trung ương, thành phố Đà Nẵng còn có nhiều chính sách ưu đãi đối với người có công cách mạng.

Ngoài ra, hệ thống cơ sở xã hội, nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công luôn được Thành phố quan tâm đầu tư, nâng cấp và coi nói thêm, đã và đang đáp ứng nhiệm vụ chăm sóc nuôi dưỡng thương bệnh binh nặng và điều dưỡng phục hồi sức khỏe cho người có công.

2.3.2. Một số hạn chế

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai thực hiện các chính sách mới đối với người có công ở thành phố Đà Nẵng cũng còn một số khó khăn đó là :

Một là, việc ban hành văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Pháp lệnh còn chậm, chưa đồng bộ.

Hai là, các văn bản hướng dẫn qui định về giải quyết chế độ chất độc hóa học đôi khi còn chồng chéo.

Ba là, đối với việc giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học thì nhiều loại bệnh tật, dị tật của con đẻ vượt quá khả năng xác định của cơ quan y tế địa phương nên không thực hiện được.

Bốn là, việc thực hiện chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ (500.000/ 1 lượt/ năm), tại Đà Nẵng chưa có phần mềm theo dõi, quản lý khai thác hồ sơ người có công, thân nhân liệt sĩ di chuyển đến nhiều địa phương (ngoại quận, ngoại huyện, ngoại thành phố).

Năm là, công tác thanh tra, giám sát từng địa phương còn hạn chế, tuy nhiên việc sai phạm ở lĩnh vực đối với người có công ở thành phố Đà Nẵng chưa có vấn đề nổi cộm, song để kịp thời chấn chỉnh và nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước trong lĩnh vực này.

Chương 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI XÃ HỘI

Pháp luật Ưu đãi xã hội rất cần được bổ sung, hoàn thiện hơn nữa. Sau đây là một số giải pháp cũng như kiến nghị cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật ưu đãi xã hội ở nước ta.

3.1. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về ưu đãi xã hội

3.1.1. Pháp luật ưu đãi xã hội phải phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của đất nước

Mức trợ cấp, ưu đãi quá cao hay quá thấp sẽ gây nên sự bất bình đẳng trong xã hội, mất ổn định chính trị. Mức trợ cấp ưu đãi cũng không phải là mức cố định mà sẽ được điều chỉnh, thay đổi tùy theo chỉ số giá tiêu dùng của xã hội, mặt bằng đời sống của đại bộ phận người dân, khả năng đáp ứng của nền kinh tế và nhu cầu phát triển của xã hội.

3.1.2. Pháp luật ưu đãi xã hội phải đảm bảo tính toàn diện

Tính toàn diện của pháp luật ưu đãi xã hội thể hiện ở 2 điểm sau đây :

Thứ nhất, pháp luật ưu đãi xã hội là nhằm mục đích ghi nhận những công lao, cống hiến của người có công;

Thứ hai, tính toàn diện của pháp luật ưu đãi xã hội thể hiện ở việc đòi hỏi phải có tính đồng bộ từ khâu soạn thảo, xây dựng đến khâu thực thi những quy định đó cũng như những chế tài để đảm bảo thực thi chúng một cách hiệu quả nhất.

3.1.3. Pháp luật ưu đãi xã hội phải bảo đảm tính thực tiễn

Xây dựng pháp luật ưu đãi xã hội cần phải đảm bảo tính thực tiễn, nhà làm luật không được chủ quan, duy ý chí, thoát ly khỏi thực tiễn kinh tế - xã hội, những nhu cầu hợp lý của những người có công; tránh áp đặt cho họ những thứ họ không cần hay không có những qui định về thừa mà họ cần.

3.1.4. Xã hội hóa hoạt động ưu đãi xã hội

Thực hiện việc xã hội hóa công tác ưu đãi xã hội là một yêu cầu cấp thiết. Sự chung tay, phối hợp thực hiện một cách chắc chắn giữa chính quyền, cộng đồng và chính bản thân người được hưởng ưu đãi sẽ giúp cho pháp luật ưu đãi xã hội thể hiện được hết ý nghĩa nhân văn, vai trò quan trọng của nó.

3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về ưu đãi xã hội

3.2.1. Trong công tác xây dựng chính sách pháp luật

Thứ nhất, cần thống nhất xác lập, các điều kiện, tiêu chuẩn của từng loại đối tượng có công và mở rộng phạm vi đối tượng.

Thứ hai, hoàn thiện các chế độ trợ cấp ưu đãi xã hội.

Thứ ba, các qui định ưu đãi về trợ cấp, ưu đãi về kinh tế xã hội (về mức, hình thức, phương pháp thực hiện, trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền trong việc hướng dẫn tổ chức thực thi...) phải hướng tới và đạt được mục tiêu đảm bảo cho mức sống trung bình của toàn xã hội.

Thứ tư, cần xây dựng Luật ưu đãi người có công.

3.2.2. Công tác quản lý, tổ chức thực hiện

Thứ nhất, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến kịp thời và sâu rộng các quy định về chính sách ưu đãi người có công,

đặc biệt là những qui định hiện hành về chế độ ưu đãi của Nhà nước, các trình tự, thủ tục, thực hiện dân chủ công khai cơ sở.

Thứ hai, cần tổng kết Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, tiếp tục hoàn thiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công, xử lý từng bước những bất hợp lý, nghiên cứu cơ chế phân cấp quản lý kinh phí của Trung ương và địa phương.

Thứ ba, cần đẩy mạnh phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” tạo thêm nguồn lực, góp phần hỗ trợ, nâng cao mức sống người có công.

Thứ tư, cần tổ chức sắp xếp lại bộ máy quản lý Nhà nước trong lĩnh vực người có công, đảm bảo cơ sở, vật chất, trang thiết bị tương xứng với yêu cầu của công việc, đồng thời nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ cả về đạo đức và năng lực.

Thứ năm, cần thường xuyên thanh tra, kiểm tra công tác xác nhận và thực hiện các chế độ ưu đãi đối với người có công, xử lý những vi phạm dẫn đến chậm trễ trong thực hiện chính sách.

Thứ sáu, cần quan tâm giải quyết các tồn đọng về chính sách sau chiến tranh.

Thứ bảy, cần quan tâm đầu tư xây dựng, tu bổ, chỉnh trang các nghĩa trang liệt sĩ, nơi yên nghỉ của những người con ưu tú của đất nước.

Thứ tám, cần quan tâm từng bước giải quyết những vấn đề trợ cấp xã hội nhằm bảo đảm đời sống cho các đối tượng chính sách xã hội ở mức độ huy động và động viên cao nhất tiềm lực, khả năng của đất nước và nhân dân.

Thứ chín, cần tìm kiếm, xác minh, kết luận các trường hợp bị thương, hy sinh, tù đầy, mất tích, nhiễm chất độc hoá học... còn tồn đọng để có hướng giải quyết cụ thể từng trường hợp.

3.3. Một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật ưu đãi xã hội tại thành phố Đà Nẵng

Một là, thành phố tiếp tục ban hành những kế hoạch cụ thể, phân công từng sở, ban, ngành, quận, huyện, xã phường nhằm giao chỉ tiêu cụ thể trong thực hiện chính sách người có công. Ban hành những văn bản Quyết định, Chỉ thị phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; phải phối hợp thường xuyên với các ngành chức năng trên địa bàn trong quá trình thực thi chính sách đối với người có công.

Hai là, tiếp tục hoàn thiện chính sách để khắc phục những hạn chế, ngăn ngừa đối tượng lợi dụng chính sách để gian lận chiếm hưởng chế độ.

Ba là, kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác chính sách đảm bảo đủ phẩm chất, đạo đức, năng lực chuyên môn; đủ khả năng tham mưu cho cấp ủy đảng, chính quyền thực hiện có hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đối với người có công.

Bốn là, cần sớm bãi bỏ một số trợ cấp không còn phù hợp trong điều kiện hiện nay như trợ cấp tiền tuất cho vợ(chồng) liệt sĩ đi lấy (vợ) chồng khác, trợ cấp điều dưỡng hàng năm, trợ cấp tiền tàu xe đi phép hàng năm cho thương, bệnh binh ở các khu điều dưỡng tập trung, trợ cấp thăm viếng mộ liệt sĩ, trợ cấp tiền ăn thêm ngày lễ, tết cho thương bệnh binh ở khu nuôi dưỡng tập trung.

Năm là, đề nghị Bộ Y tế sớm ra các văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định 31/2013/NĐ.CP về chế độ cho người tham gia kháng chiến và con đẻ của họ bị nhiễm chất độc hóa học để triển khai thực hiện bởi đây là một trong những áp lực lớn nhất trong thực hiện

chính sách đối với người có công.

Sáu là, cần bổ sung đối tượng được hưởng chế độ nhiệm chất độc hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam đối với đối tượng là người có công giúp đỡ cách mạng .

Bảy là, cần điều chỉnh trợ cấp cho đối tượng đúng theo mức độ cống hiến của người có công đồng thời điều chỉnh việc chi trả Bảo hiểm y tế cho người có công được hưởng 100% viện phí kể cả những hạng mục ngoài qui định bảo hiểm y tế.

Tám là, tiếp tục nghiên cứu đổi mới đề xuất để hoàn thiện hệ thống chính sách ưu đãi của Nhà nước theo hướng người có công phải được khen thưởng và đãi ngộ xứng đáng.

Chín là, tiếp tục đẩy mạnh hoạt động xã hội hóa công tác chăm sóc người có công, duy trì và phát triển nhiều hình thức hoạt động đền ơn đáp nghĩa với nội dung phong phú, thiết thực, phù hợp với điều kiện mới.

Mười là, tiếp tục triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý đối tượng và quản lý kinh phí chi trả hằng tháng trợ cấp ưu đãi người có công.

KẾT LUẬN

Hoàn thiện Pháp luật Ưu đãi người có công không chỉ là mối quan tâm riêng của Đảng và Nhà nước mà còn được sự hưởng ứng nhiệt tình từ phía người có công cũng như toàn thể cộng đồng. Để pháp luật Ưu đãi người có công phù hợp với sự phát triển kinh tế của đất nước, chúng ta phải có một cách nhìn nhận đúng đắn và khách quan trong tổng thể các chính sách của Nhà nước.

Dựa trên quan điểm nền tảng **“Tất cả vì con người, do con người”** Pháp luật Ưu đãi người có công đang ngày càng phát huy tác dụng tích cực của mình và trở nên không thể thiếu trong đời sống xã hội. Tuy nhiên, Pháp luật ưu đãi người có công ở nước ta còn chứa đựng nhiều khiếm khuyết khiến cho việc thực thi cũng gặp những khó khăn đáng kể. Hiện trạng này xảy ra do nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân quan trọng hơn cả là từ công tác xây dựng và thực hiện pháp luật. Trước yêu cầu hoàn thiện Pháp luật Ưu đãi người có công trở nên cấp bách như hiện nay cũng như việc thực thi pháp luật Ưu đãi người có công tại thành phố Đà Nẵng, Luận văn này đã đưa ra một số ý kiến nhất định cho việc hoàn thiện Pháp luật. Tuy nhiên, cũng phải nhấn mạnh việc thực hiện tốt công tác Ưu đãi người có công không chỉ là trách nhiệm của Nhà nước mà của cả cộng đồng, công tác chăm sóc người có công còn phải thực hiện theo qui chế “kiềng ba chân” : Nhà nước – người có công – cộng đồng cùng góp sức. Chỉ có như vậy Pháp luật Ưu đãi người có công mới thực sự mang đầy đủ ý nghĩa , là phương tiện để ghi nhận và tôn vinh công lao của những người con ưu tú và khơi gợi ý thức trách nhiệm của mọi công dân đối với xã hội.

Trong phạm vi Luận văn với những hạn chế nhất định về kiến thức, kỹ năng nghiên cứu, luận văn chắc chắn không thể tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được sự chỉ bảo tận tình và những ý kiến đóng góp chân thành của Thầy giáo, Cô giáo và Hội đồng bảo vệ Luận văn .